

Số: 621 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 18 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Nhà máy xử lý nước thải CEPT thuộc Tiểu dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn (phương án đợt 2c – xóm bờ sông)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 441/TTr-STNMT ngày 11/3/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân xóm bờ sông do giải phóng mặt bằng xây dựng Nhà máy xử lý nước thải CEPT thuộc Tiểu dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn (phương án đợt 2c – xóm bờ sông) tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 11.607.483.000 đồng (Mười một tỷ, sáu trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm tám mươi ba ngàn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 11.108.317.000 đồng;
- Thuởng giao trả mặt bằng sớm (nếu có): 277.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) : 222.166.000 đồng (Bao gồm phần chi phí thẩm định 0,2% là 22.216.000 đồng, trong đó có chi phí thẩm định phương án của Sở Tài nguyên và Môi trường là: 15.544.000 đồng).

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn đối ứng của Tiểu dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn.

Điều 2. Giao Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và TĐC dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn chủ trì triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và TĐC dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn, hộ gia đình có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7.



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Hồ Quốc Dũng

PHỤ LỤC

Giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Nhà máy xử lý nước thải CEPT thuộc Tiểu dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn (phương án đợt 2c – xóm bờ sông)

(Kèm theo Quyết định số **621** /QĐ-UBND ngày **18** /3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

DVT: đồng

TT	Họ và tên hộ gia đình	Địa chỉ	Tiền bồi thường, hỗ trợ	Thưởng giao trả mặt bằng sớm (nếu có)
1	Phạm Đẩu Trương Thị Phúc	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	372.504.000	5.000.000
2	Phạm Thị Thu Hoa Ngô Công Thành	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	128.409.000	5.000.000
3	Nguyễn Văn Vân Tô Thị Hương	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	197.333.000	5.000.000
4	Nguyễn Thị Kiều Huỳnh Ngọc Nhật	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	38.104.000	5.000.000
5	Phạm Thị Diễm Nguyễn Văn Toại	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	3.642.000	1.000.000
6	Nguyễn Văn Nghĩa Phạm Thị Ánh Hồng	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	286.241.000	5.000.000
7	Nguyễn Xuân Phương Nguyễn Thị Nhân Trinh	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	76.988.000	5.000.000
8	Nguyễn Thị Thu Thảo Nguyễn Văn Chút	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	56.570.000	5.000.000
9	Võ Có (chết) Võ Thị Gái (đại diện)	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	224.697.000	5.000.000
10	Phạm Thị Hồng	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	195.649.000	5.000.000
11	Phạm Văn Loại Trần Thị Sinh	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	236.446.000	5.000.000
12	Phạm Thị Thu Đào Văn Vinh	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	67.018.000	5.000.000
13	Phạm Thành Phúc Vũ Thị Kim Chung	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	49.337.000	5.000.000
14	Trần Bào (chết) Trần Văn Hải (đại diện)	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	240.064.000	5.000.000
15	Trần Văn Ben Đào Thị Sương Tuyết	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	72.505.000	5.000.000
16	Phạm Thành Vương Nguyễn Thị Bút	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	170.148.000	5.000.000

Am 2

17	Nguyễn Văn Phùng Phạm Thị Ba	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	269.782.000	5.000.000
18	Trần Văn Bình Trần Thị Yến	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	294.649.000	5.000.000
19	Vũ Thị Hiệp Phạm Mến (đại diện)	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	114.796.000	5.000.000
20	Thái Bình Hoan	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	160.883.000	5.000.000
21	Trần Thị Diệu Nguyễn Anh Kiệt (đ.điện)	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	395.988.000	5.000.000
22	Nguyễn Thị Lệ Thủy Trần Đăng Phong	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	242.103.000	5.000.000
23	Nguyễn Thị Thao	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	236.525.000	5.000.000
24	Đặng Văn Hào Nguyễn Thị Xá	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	61.011.000	5.000.000
25	Đặng Văn Lập Mai Thị Mười	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	66.933.000	5.000.000
26	Đặng Văn Hớn Lê Thị Mười	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	134.208.000	5.000.000
27	Phạm Văn Bá Trần Thị Bích Đào	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	365.402.000	5.000.000
28	Võ Hùng Anh Lê Thị Tốt	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	232.899.000	5.000.000
29	Võ Hùng Quang Nguyễn Thị Chín	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	129.374.000	5.000.000
30	Nguyễn Thành Khương Nguyễn Thị Bích Hải	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	181.370.000	5.000.000
31	Võ Biệp Nguyễn Thị Rơi	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	95.322.000	5.000.000
32	Võ Hùng Vinh Nguyễn Thị Phước	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	104.143.000	5.000.000
33	Nguyễn Bơi	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	363.905.000	5.000.000
34	Võ Thị Chồn	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	218.954.000	5.000.000
35	Tô Thị Mười	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	236.604.000	5.000.000
36	Phạm Văn Cảnh	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	46.132.000	5.000.000
37	Châu Quốc Trung Phan Thị Thu Cúc	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	154.420.000	5.000.000

Am 3

38	Trần Thị Lệ	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	56.541.000	5.000.000
39	Mai Văn Ngọc Nguyễn Thị Nga	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	588.456.000	5.000.000
40	Hồ Thị Nghi	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	290.231.000	5.000.000
41	Nguyễn Văn Dũng Hà Thị Thạch	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	63.423.000	5.000.000
42	Nguyễn Cảnh Minh Trần Thị Bé	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	374.236.000	5.000.000
43	Đỗ Thị Nho	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	239.653.000	5.000.000
44	Đỗ Hậu Trần Thị Huệ	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	354.179.000	5.000.000
45	Phạm Xuân Hoan Nguyễn Thị Hạnh	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	387.716.000	6.000.000
46	Đỗ Văn Sung Phạm Thị Hiền	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	219.655.000	5.000.000
47	Đỗ Văn Sướng Đặng Thị Sao	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	284.179.000	5.000.000
48	Đỗ Xuân Đạt Phạm Thị Thừa	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	71.964.000	5.000.000
49	Đỗ Xuân Sang Lê Thị Thâm	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	209.657.000	5.000.000
50	Đỗ Xuân Thừa Võ Thị Dung	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	320.116.000	5.000.000
51	Nguyễn Lanh (chết) Nguyễn Thanh Long (đ.diện)	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	240.963.000	5.000.000
52	Nguyễn Cự Nguyễn Thị Thâm	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	124.331.000	5.000.000
53	Nguyễn Văn Đờ Lê Thị Nga	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	298.278.000	5.000.000
54	Nguyễn Thái Hòa Nguyễn Thị Thu Hiền	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	187.862.000	5.000.000
55	Phan Thị Hồng	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	229.598.000	5.000.000
56	Nguyễn Thị Diệp Lợi	Tổ 20, KV 3, P. Nhơn Bình	46.221.000	5.000.000
	Tổng cộng		11.108.317.000	277.000.000

Am